

TCP

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3932 /BC-BKHĐT

Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 2022

**BÁO CÁO**

**Tổng kết tình hình thực hiện Chương trình điều tra thống kê quốc gia ban hành theo Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ**

**TỔNG CỤC THỐNG KÊ**

Số: ...1.893...  
ĐẾN Ngày: 15.6.2022.  
Chuyên:.....  
Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Luật Thống kê số 89/2015/QH13 ngày 23/11/2015 (Luật số 89) và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12/11/2021 (Luật số 01) và Nghị định số ...../2022/NĐ-CP ngày ...../...../2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Nghị định số .....), Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo việc Tổng kết tình hình thực hiện Chương trình điều tra thống kê quốc gia ban hành theo Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ (Chương trình điều tra số 43) như sau:

**I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU TRA SỐ 43**

**1. Tổng quan Chương trình điều tra số 43**

Chương trình điều tra số 43 có 50 cuộc điều tra các loại, trong đó có 3 cuộc Tổng điều tra thống kê quốc gia (Tổng điều tra dân số và nhà ở, Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và Tổng điều tra kinh tế) và 47 cuộc điều tra bao gồm cả điều tra toàn bộ, điều tra chọn mẫu.

Ngoài 3 cuộc tổng điều tra thống kê quốc gia, 47 cuộc điều tra thống kê khác còn lại được chia thành 9 nhóm: 01- Điều tra về đất đai, dân số, lao động, việc làm (4 cuộc); 02 - Điều tra về tài khoản quốc gia, tài chính tiền tệ (2 cuộc); 03 - Điều tra về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản (8 cuộc); 04 - Điều tra về công nghiệp, vốn đầu tư và xây dựng (4 cuộc); 05 - Điều tra về thương mại, du lịch, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin (9 cuộc); 06 - Điều tra về cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp (3 cuộc); 07 - Điều tra về giá (8 cuộc); 08 - Điều tra về khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường (3 cuộc); 09 - Điều tra về y tế, giáo dục, văn hoá, trật tự an toàn xã hội, mức sống dân cư (6 cuộc).

Trong 50 cuộc điều tra thống kê, Tổng cục Thống kê có trách nhiệm chủ trì thực hiện 35 cuộc điều tra thống kê (chiếm 70%) và bộ, ngành (9 bộ) chủ trì thực hiện 15 cuộc điều tra thống kê (chiếm 30%).

Trong 35 cuộc điều tra thống kê do Tổng cục Thống kê chủ trì thực hiện có 03 cuộc Tổng điều tra thống kê quốc gia, 32 cuộc điều tra thống kê bao gồm cả điều tra toàn bộ, điều tra chọn mẫu. Nếu chia theo chu kỳ điều tra có 5 cuộc điều tra 10 năm thực hiện một lần, 3 cuộc điều tra 5 năm thực hiện một lần, 2 cuộc điều tra 2 năm thực hiện một lần, 10 cuộc điều tra năm thực hiện một lần, và số cuộc điều tra làm theo chu kỳ tháng, quý và hằng năm làm theo nhiều lượt điều tra để thu thập tổng hợp, thông tin là 12 cuộc điều tra.

Trong số 15 cuộc điều tra thống kê do các bộ, ngành chủ trì thực hiện, cụ thể như sau: Bộ Y tế chủ trì thực hiện nhiều nhất (3 cuộc); thứ hai là: Bộ Công Thương (2 cuộc), Bộ Thông tin và Truyền thông (2 cuộc), Bộ Xây dựng (2 cuộc), Bộ Khoa học và Công nghệ (2 cuộc); thứ ba là: Bộ Tài nguyên và Môi trường (1 cuộc), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (1 cuộc); Bộ Nội vụ (1 cuộc) và Bộ Giáo dục và Đào tạo (1 cuộc). Nếu chia theo chu kỳ điều tra có 7 cuộc điều tra 5 năm thực hiện một lần, 4 cuộc điều tra 2 năm thực hiện một lần, 3 cuộc điều tra 1 năm thực hiện một lần và 1 cuộc điều tra thực hiện hằng quý.

## 2. Kết quả triển khai thực hiện Chương trình điều tra số 43

### a) Các cuộc điều tra thống kê do Tổng cục Thống kê chủ trì thực hiện

Đối với các cuộc điều tra thống kê do Tổng cục Thống kê chủ trì thực hiện trong thời gian qua đã được tổ chức triển khai thu thập một cách đầy đủ theo đúng chu kỳ, đối tượng, đơn vị và phạm vi điều tra để thu thập thông tin nhằm biên soạn tổng hợp chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành kèm theo Luật số 89. Các chỉ tiêu thống kê quốc gia được thu thập, tổng hợp theo bảng số liệu sau:

#### Tổng hợp chỉ tiêu thống kê quốc gia thu thập qua điều tra thống kê do Tổng cục Thống kê chủ trì thực hiện

TT	Mã số	Tên cuộc điều tra	Mã chỉ tiêu thống kê quốc gia	Ghi chú
1	01	Tổng điều tra dân số và nhà ở	0102, 0107, 0406, 0407, 0108, 0111, 0201, 0202, 0203, 0204, 0103, 0104, 0105, 0106, 0109, 0112, 1602, 1603, 1604.	

TT	Mã số	Tên cuộc điều tra	Mã chỉ tiêu thống kê quốc gia	Ghi chú
2	05	Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ	0102, 0107, 0108, 0109, 0111, 0112, 0103, 0104, 0105, 0106, 0406, 0407.	Chưa đến kỳ thực hiện
3	06	Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình	0102, 0103, 0104, 0105, 0107, 0108, 0111, 0112, 0106, 0109, 1603, 1604.	
4	07	Điều tra lao động và việc làm	0201, 0202, 0203, 0204, 0205, 0206, 0207.	
5	02	Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp	0303, 0801, 0802, 0806, 0808, 0810, 0812.	Chưa đến kỳ thực hiện
6	10	Điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ	0303, 0801, 0802, 0806, 0808, 0810, 0812.	
7	11	Điều tra diện tích gieo trồng cây nông nghiệp	0801, 0802.	
8	12	Điều tra năng suất sản lượng cây hàng năm	0803, 0804.	
9	13	Điều tra năng suất sản lượng cây lâu năm	0803, 0804.	
10	14	Điều tra chăn nuôi	0806, 0807.	
11	15	Điều tra lâm nghiệp	0808, 0809.	
12	17	Điều tra thủy sản	0810, 0811, 0812.	
13	03	Tổng điều tra kinh tế	0301, 0304, 0307, 0305, 0306, 0902, 0903, 0904, 0905, 0908, 1406, 1001, 1002, 1003, 1201, 1202, 1203, 1311, 1703.	
14	22	Điều tra xuất khẩu, nhập khẩu dịch vụ	1008, 1009.	
15	23	Điều tra bán buôn, bán lẻ hàng hóa	1001	

TT	Mã số	Tên cuộc điều tra	Mã chỉ tiêu thống kê quốc gia	Ghi chú
16	24	Điều tra dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch và dịch vụ khác	1002, 1003, 1311, 1703, 0501.	
17	25	Điều tra hộ gia đình thu thập thông tin về du lịch	1008, 1708.	
18	27	Điều tra chi tiêu của khách quốc tế đến Việt Nam	1008, 1707.	
19	28	Điều tra hoạt động vận tải, kho bãi	1201, 1202, 1203.	
20	32	Điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể	0301, 0902, 1001, 1002, 1003, 1201, 1202, 1203, 1311, 1703, 0501.	
21	34	Điều tra giá tiêu dùng (CPI)	1101, 1102, 1103, 1105.	
22	35	Điều tra giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất	1104	
23	36	Điều tra giá sản xuất hàng hóa	1105	
24	37	Điều tra giá sản xuất dịch vụ	1105	
25	39	Điều tra giá bất động sản	1107	Điều tra thu thập nhưng chưa công bố
26	40	Điều tra giá tiền lương	1108	Điều tra thu thập nhưng chưa công bố
27	41	Điều tra giá xuất khẩu, nhập khẩu	1109, 1110.	



TT	Mã số	Tên cuộc điều tra	Mã chỉ tiêu thống kê quốc gia	Ghi chú
28	08	Điều tra thu thập thông tin lập bảng cân đối liên ngành và tính hệ số chi phí trung gian	0501, 0502, 0503, 0505, 0506, 0507.	
29	09	Điều tra thu thập thông tin tính các chỉ tiêu giá trị sản xuất và giá trị tăng thêm của các đơn vị sự nghiệp và tổ chức vô vị lợi	0501, 0502	Đến kỳ nhưng chưa thực hiện
30	48	Điều tra người khuyết tật	0110	Chưa đến kỳ thực hiện
31	50	Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam	1801, 1802, 1803, 1805, 1806, 0908.	
32	20	Điều tra vốn đầu tư thực hiện	0401, 0402, 0403, 0404.	
33	21	Điều tra hoạt động xây dựng	0404, 0405, 0501.	
34	31	Điều tra doanh nghiệp	0304, 0305, 0306, 0307, 0401, 0404, 0405, 0501, 1001, 1002, 1003, 1201, 1202, 1203, 1311, 1703, 0902, 0903, 0908.	
35	18	Điều tra ngành công nghiệp	0901, 0902, 0906, 0907.	

#### **b) Các cuộc điều tra thống kê do Bộ, ngành chủ trì thực hiện**

Đối với các cuộc điều tra thống kê do bộ, ngành chủ trì thực hiện chỉ có một số cuộc điều tra tổ chức thực hiện theo đúng chu kỳ và một số cuộc điều tra thống kê trong những năm qua đến kỳ tổ chức thực hiện nhưng không thực hiện được vì nhiều nguyên nhân khác nhau, cụ thể: “Điều tra kiểm kê rừng” do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì thực hiện; “Điều tra hoạt động cung cấp dịch vụ thông tin và truyền thông” và “Điều tra hiện trạng phổ cập dịch vụ

thông tin và truyền thông” do Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì thực hiện (tuy nhiên, Bộ Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với Tổng cục Thống kê để thu thập thông tin từ Khảo sát mức sống dân cư do Tổng cục Thống kê chủ trì thực hiện để thu thập thông tin biên soạn chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1305 - Tỷ lệ người sử dụng điện thoại di động, 1306 - Tỷ lệ người sử dụng Internet và 1308 - Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet); “Điều tra giá xây dựng” và “Điều tra các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật đô thị” do Bộ Xây dựng chủ trì thực hiện; “Điều tra cơ sở và nhân lực ngành y tế ngoài công lập”; “Điều tra dinh dưỡng” và “Điều tra nhân khẩu học và sức khỏe” do Bộ Y tế chủ trì thực hiện; “Điều tra các cơ sở giáo dục ngoài công lập” do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì thực hiện. Tuy nhiên, các chỉ tiêu thống kê thu thập từ cuộc “Điều tra cơ sở và nhân lực ngành y tế ngoài công lập” thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1601 - Số bác sỹ, số giường bệnh trên 10.000 dân và “Điều tra các cơ sở giáo dục ngoài công lập” thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1501 - Số học sinh phổ thông bình quân một giáo viên, 1502 - Số học sinh phổ thông bình quân một lớp học và 1503 - Tỷ lệ học sinh đi học phổ thông, các chỉ tiêu thống kê thu thập từ các cuộc điều tra thống kê này, có thể khai thác từ cuộc “Tổng điều tra kinh tế” do Tổng cục Thống kê chủ trì thực hiện năm 2021. Các chỉ tiêu thống kê quốc gia được tổng hợp theo bảng số liệu sau:

**Tổng hợp chỉ tiêu thống kê quốc gia thu thập qua điều tra thống kê do Bộ, ngành chủ trì thực hiện**

TT	Mã số	Tên cuộc điều tra	Mã chỉ tiêu thống kê quốc gia	Cơ quan chủ trì thực hiện	Ghi chú
1	04	Điều tra kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất	0101	Bộ Tài nguyên và Môi trường	
2	16	Điều tra kiểm kê rừng	2001, 2002, 2003.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đến kỳ chưa thực hiện
3	19	Điều tra năng lực sản xuất của một số sản phẩm công nghiệp	0909	Bộ Công Thương	
4	29	Điều tra thống kê thương mại điện tử	1309		

TT	Mã số	Tên cuộc điều tra	Mã chỉ tiêu thống kê quốc gia	Cơ quan chủ trì thực hiện	Ghi chú
5	26	Điều tra hoạt động cung cấp dịch vụ thông tin và truyền thông	1301, 1302, 1303, 1304, 1307, 1310. Tuy nhiên, các chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1304, 1307 (Lồng ghép thu thập thông tin vào cuộc Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam).	Bộ Thông tin và Truyền thông	Đến kỳ chưa thực hiện
6	30	Điều tra hiện trạng phổ cập dịch vụ thông tin và truyền thông	1304, 1305, 1306, 1307, 1308. Tuy nhiên, các chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1304, 1305, 1306, 1307, 1308 (Lồng ghép thu thập thông tin vào cuộc Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam).		
7	33	Điều tra cơ sở hành chính	0302	Bộ Nội vụ	
8	38	Điều tra giá xây dựng	1106	Bộ Xây dựng	Đến kỳ chưa thực hiện
9	44	Điều tra các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật đô thị	1804		
10	42	Điều tra tiềm lực khoa học và công nghệ của các tổ chức khoa học và công nghệ	1401, 1402.	Bộ Khoa học và Công nghệ	

TT	Mã số	Tên cuộc điều tra	Mã chỉ tiêu thống kê quốc gia	Cơ quan chủ trì thực hiện	Ghi chú
11	43	Điều tra nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	1402, 1403, 1407.	Bộ Khoa học và Công nghệ	
12	45	Điều tra cơ sở và nhân lực ngành y tế ngoài công lập	1601 (Khai thác từ cuộc Tổng điều tra kinh tế năm 2021).	Bộ Y tế	Đến kỳ chưa thực hiện
13	46	Điều tra dinh dưỡng	1606		Đến kỳ chưa thực hiện
14	47	Điều tra nhân khẩu học và sức khỏe	1605 (Khai thác nguồn thông tin từ các cuộc điều tra thống kê do Tổng cục Thống kê chủ trì thực hiện).		Đến kỳ chưa thực hiện
15	49	Điều tra các cơ sở giáo dục ngoài công lập	1501, 1502, 1503 (Khai thác từ cuộc Tổng điều tra kinh tế năm 2021).	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đến kỳ chưa thực hiện

## II. MỘT SỐ ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC CUỘC ĐIỀU TRA THỐNG KÊ CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU TRA SỐ 43

### 1. Những kết quả đạt được và nguyên nhân

#### a) Tổng cục Thống kê chủ trì

- Tổng cục Thống kê chịu trách nhiệm chủ trì 35 cuộc điều tra thống kê trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia, quá trình triển khai thực hiện được kết quả như sau:

+ Số cuộc điều tra thống kê đã thực hiện (đến kỳ điều tra và đã triển khai thực hiện): 31 cuộc điều tra.

+ Số cuộc điều tra thống kê chưa thực hiện: 4 cuộc điều tra, bao gồm: 3 cuộc điều tra chưa đến kỳ điều tra là “Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ; Tổng



điều tra nông thôn, nông nghiệp; Điều tra người khuyết tật” và 1 cuộc điều tra đến kỳ nhưng chưa thực hiện là “Điều tra thu thập thông tin tính các chỉ tiêu giá trị sản xuất và giá trị tăng thêm của các đơn vị sự nghiệp và tổ chức vô vị lợi”.

Tuy nhiên, trong 31 cuộc điều tra đến kỳ và triển khai thực hiện nhưng có 2 cuộc điều tra là “Điều tra giá bất động sản” và “Điều tra giá tiền lương” mới tổ chức tiến hành điều tra thử nghiệm, chưa công bố kết quả điều tra.

- Nguyên nhân:

+ Tổng cục Thống kê là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thống kê từ Trung ương đến địa phương, có nguồn lực được đào tạo về chuyên ngành thống kê, có nhiều kinh nghiệm trong việc tổ chức thực hiện các cuộc điều tra thống kê (từ khâu chuẩn bị, thiết kế xây dựng và tổ chức thực hiện điều tra thống kê).

+ Được sự quan tâm của Đảng, Chính phủ và các đơn vị trong quá trình triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ, đặc biệt là sự phối hợp của các Bộ, ngành trong quá trình triển khai thực hiện các cuộc điều tra thống kê nhất là các cuộc điều tra thống kê có quy mô lớn như: Tổng điều tra dân số và nhà ở; Tổng điều tra kinh tế;...

+ Việc ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong hoạt động thống kê, đặc biệt hiện nay, các cuộc điều tra thống kê đã được ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong các khâu thực hiện nên rút ngắn thời gian thu thập, xử lý, tổng hợp để công bố kết quả điều tra được sớm hơn.

#### **b) Bộ, ngành chủ trì**

- Bộ, ngành chủ trì thực hiện 15 cuộc điều tra thống kê, quá trình triển khai thực hiện được kết quả như sau:

+ Số cuộc điều tra thống kê đã thực hiện (đến kỳ điều tra và đã triển khai thực hiện): 6 cuộc điều tra (chiếm 40%).

+ Số cuộc điều tra chưa thực hiện: 9 cuộc điều tra (chiếm 60%).

Như vậy, số lượng các cuộc điều tra thống kê do bộ, ngành chủ trì thực hiện chưa bảo đảm nhu cầu thông tin thống kê phân công cho bộ ngành thu thập, biên soạn tổng hợp các chỉ tiêu thống kê quốc gia được phân công theo Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

- Nguyên nhân:

+ Mô hình tổ chức thống kê Bộ, ngành hiện nay chưa có mô hình tổ chức thống kê tại địa phương và nguồn lực thực hiện công tác thống kê của các Bộ, ngành còn hạn chế, người làm công tác thống kê còn kiêm nhiệm, chưa có nguồn nhân lực đào tạo về chuyên ngành thống kê, chưa có kinh nghiệm trong việc tổ chức thực hiện các cuộc điều tra thống kê.

+ Sự quan tâm của Lãnh đạo đối với công tác thống kê Bộ, ngành còn chưa tương xứng với chức năng nhiệm vụ.

## **2. Một số khó khăn, bất cập**

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định số 43 đã bộc lộ một số vướng mắc, bất cập so với thực tiễn và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật có liên quan (Luật số 01, Nghị định số ..... ) mới ban hành, cụ thể như sau:

- Luật số 01 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV thông qua kèm theo danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia, bao gồm 230 chỉ tiêu thống kê. Do đó, để thu thập tổng hợp, biên soạn 230 chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành kèm theo Luật số 01, Chương trình điều tra thống kê quốc gia cần phải ban hành thay thế Chương trình điều tra số 43.

- Nghị định số ....., theo khoản 5 Điều 17 của Luật số 89 quy định “Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia là cơ sở phân công, phối hợp giữa các Bộ, ngành trong việc xây dựng chương trình điều tra thống kê quốc gia, sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê, chế độ báo cáo thống kê và chương trình khác có liên quan đến hoạt động thống kê”. Vì vậy, chương trình điều tra thống kê quốc gia phải được thay thế để bảo đảm theo quy định được phân công theo quy định.

- Một số bất cập trong quá trình triển khai thực hiện như:

+ Thông tin thu thập chưa đáp ứng được Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Đảng, Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ mới như thông tin thống kê đo lường kinh tế số, logistics,...

+ Nhu cầu thông tin thống kê phục vụ biên soạn, tổng hợp một số chỉ tiêu thống kê mới ban hành như: Thông tư số 06/2018/TT-BKHĐT ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê ASEAN; Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững Việt Nam và Thông tư số 10/2019/TT-BKHĐT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Bộ chỉ tiêu thống kê

phát triển giới quốc gia. Vì vậy, để đáp ứng nhu cầu thông tin phục vụ biên soạn, tổng hợp chỉ tiêu thống kê thuộc các bộ chỉ tiêu thống kê nói trên, Chương trình điều tra thống kê quốc gia cần phải thay thế nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê phục vụ biên soạn, tổng hợp một số chỉ tiêu thống kê thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê mới được ban hành trong thời gian qua.

+ Năm được chọn làm năm gốc để biên soạn các chỉ tiêu thống kê theo giá so sánh (thông thường các năm có số tận cùng là số 0 và 5). Vì vậy, cuộc “Điều tra thu thập thông tin lập bảng cân đối liên ngành và tính hệ số chi phí trung gian” (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 3 và 8) cần sửa đổi thành (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 1 và 6) để thu thập thông tin phát sinh trong các năm có số tận cùng là 0 và 5 để phục vụ biên soạn chỉ tiêu thống kê theo giá so sánh.

+ Một số cuộc điều tra chưa thống nhất kỳ thu thập thông tin như: Cuộc điều tra thống kê số 03 - Tổng điều tra kinh tế với chu kỳ 5 năm (ngày 01 tháng 3 và 01 tháng 7 tiến hành vào các năm có tận cùng là 1 và 6). Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện cuộc Tổng điều tra kinh tế cho thấy có sự không đồng bộ và thống nhất trong cơ sở dữ liệu thống kê (đối với các đơn vị điều tra là cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể phi nông nghiệp, thủy sản thông tin thu thập phát sinh năm hiện tại, các đơn vị điều tra khác như doanh nghiệp thì thông tin phát sinh của năm trước). Vì vậy, cần điều chỉnh thời gian thu thập thông tin để đồng bộ và thống nhất cơ sở dữ liệu thống kê. Bên cạnh đó, các cuộc điều tra thống kê đã được ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong các khâu nên rút ngắn thời gian thu thập, xử lý tổng hợp, do đó kết quả điều tra được công bố sớm hơn nên thời điểm, thời gian thu thập thông tin cần có sự thay đổi cho phù hợp. Vì vậy, cần rà soát thời điểm, thời kỳ của các cuộc điều tra thống kê trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia cho phù hợp.

+ Việc thu thập, tổng hợp và báo cáo các chỉ tiêu thống kê quốc gia về bảo vệ môi trường còn rất nhiều khó khăn do thiếu số liệu điều tra. Vì vậy, cần bổ sung các cuộc điều tra thống kê quốc gia để thu thập các chỉ tiêu thống kê về môi trường.

Trên cơ sở các văn bản quy phạm pháp luật về thống kê có sự thay đổi (Luật số 01, Nghị định số .....) và những khó khăn, vướng mắc, bất cập nêu trên, Chương trình điều tra số 43 phải được thay thế cho phù hợp.

### **3. Đề xuất, kiến nghị**

Qua quá trình tổng kết tình hình thực hiện các cuộc điều tra thống kê theo Chương trình điều tra số 43, Báo cáo đề xuất, kiến nghị như sau:



- Rà soát sửa đổi thời kỳ, thời điểm một số cuộc điều tra thống kê đang triển khai thực hiện cho phù hợp với thực tiễn, bổ sung nội dung thông tin thu thập để phục vụ biên soạn, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê trong thời kỳ mới.

- Sắp xếp lại một số cuộc điều tra thống kê trong Chương trình điều tra số 43 với mục đích: Giảm bớt được số lượng các cuộc điều tra thống kê, giảm gánh nặng cho các đơn vị điều tra trong việc cung cấp thông tin; giảm sự trùng lặp về nội dung thu thập giữa các cuộc điều tra thống kê; giảm gánh nặng cho các đơn vị tổ chức thực hiện; tiết kiệm nguồn nhân lực trong việc tổ chức thực hiện và nâng cao chất lượng số liệu thống kê và loại bỏ một số cuộc điều tra thống kê không tổ chức thực hiện.

- Hằng năm các Bộ, ngành tổ chức thực hiện các cuộc điều tra thống kê cần phối hợp với Tổng cục Thống kê để tổ chức triển khai thực hiện, đặc biệt năm Tổng cục Thống kê tiến hành các cuộc Tổng điều tra quốc gia như: Tổng điều tra dân số và nhà ở; Tổng điều tra kinh tế; Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp để lồng ghép các thông tin thống kê cần thu thập.

- Các Bộ, ngành chủ trì thu thập, tổng hợp biên soạn các chỉ tiêu thống kê quốc gia đã được phân công theo Nghị định số ..... nghiên cứu rà soát nguồn thông tin thu thập từ cơ sở dữ liệu hành chính để khai thác thu thập thông tin nhằm mục đích giảm các thông tin thu thập từ điều tra thống kê.

- Xây dựng mô hình tổ chức thống kê bộ, ngành bảo đảm tương xứng với chức năng, nhiệm vụ trong việc thực hiện công tác thống kê.

- Tăng cường công tác phối hợp chia sẻ thông tin thống kê giữa Tổng cục Thống kê và Bộ, ngành nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê.

- Tăng cường nguồn lực cho thống kê (cả về nhân lực và kinh phí thực hiện), đặc biệt kinh phí thực hiện thu thập thông tin thống kê từ các cuộc điều tra thống kê.

### **III. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU TRA THỐNG KÊ THAY THẾ CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU TRA SỐ 43**

Qua tổng kết hơn 05 năm thực Quyết định số 43, trên cơ sở những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện nêu tại mục II Báo cáo này, việc xây dựng Chương trình điều tra thống kê quốc gia thay thế Chương trình điều tra số 43 là hết sức cần thiết.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy

phạm pháp luật, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất xây dựng Chương trình điều tra thống kê quốc gia như sau:

### **1. Mục đích**

Việc xây dựng Quyết định về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia thay thế Quyết định số 43 hướng đến mục đích sau:

- Hoàn thiện hành lang pháp lý về xây dựng các hình thức thu thập thông tin thống kê bảo đảm đồng bộ, phù hợp với các quy định của Luật Thống kê (Luật số 89, Luật số 01).

- Khắc phục những hạn chế, vướng mắc, bất cập phát sinh từ thực tiễn thực hiện Chương trình điều tra số 43.

- Xây dựng các cuộc điều tra thống kê nhằm thu thập thông tin phục vụ biên soạn, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia. Đây là căn cứ pháp lý để các Bộ, ngành chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện các cuộc điều tra thống kê hằng năm trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

### **2. Quan điểm và nguyên tắc xây dựng**

#### **a) Quan điểm chỉ đạo**

Dự thảo Quyết định được xây dựng trên cơ sở các quan điểm sau:

- Thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác thống kê.

- Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp; tính thống nhất, chính xác, đồng bộ với các văn bản quy phạm pháp luật về thống kê.

#### **b) Nguyên tắc xây dựng**

Việc xây dựng Chương trình điều tra thống kê quốc gia dựa trên các nguyên tắc sau:

- Bảo đảm tính phù hợp: Chương trình điều tra thống kê quốc gia đáp ứng nhu cầu thông tin của hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia đã được quy định trong Luật số 01 và Nghị định số .....

- Bảo đảm tính khả thi: Các cuộc điều tra thống kê trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia phải bảo đảm thực hiện được trong thực tế, phù hợp với trình độ hạch toán, ghi chép, kê khai, cung cấp của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình (hộ dân cư), giảm gánh nặng cho người cung cấp thông tin, tiết kiệm chi phí và tăng hiệu quả của hoạt động thống kê.



- Bảo đảm tính không trùng lặp: Tránh sự trùng lặp, chồng chéo giữa các hình thức thu thập thông tin qua chế độ báo cáo thống kê và thu thập qua sử dụng dữ liệu hành chính. Đồng thời không trùng lặp giữa cuộc điều tra thống kê do Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) thực hiện và các cuộc điều tra do Bộ, ngành thực hiện.

- Bảo đảm tính kế thừa: Các cuộc điều tra thống kê thu thập thông tin để biên soạn, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành kèm theo Luật số 01 và Nghị định số ..... sẽ được kế thừa và cải tiến để phù hợp với thực tiễn.

#### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CHÍNH CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU TRA THỐNG KÊ QUỐC GIA**

##### **1. Bố cục của dự thảo Quyết định**

Quyết định gồm 03 Điều và Chương trình điều tra thống kê quốc gia ban hành kèm theo Quyết định.

##### **2. Nội dung cơ bản của Chương trình điều tra thống kê quốc gia**

- Chương trình điều tra thống kê quốc gia gồm 9 nội dung: Thứ tự; tên cuộc điều tra; mục đích điều tra; đối tượng, đơn vị điều tra; loại điều tra; nội dung điều tra; thời kỳ, thời điểm điều tra; cơ quan chủ trì; cơ quan phối hợp.

- Chương trình điều tra thống kê quốc gia gồm 44 cuộc điều tra, trong đó có 03 cuộc tổng điều tra thống kê quốc gia (Tổng điều tra dân số và nhà ở; Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp; Tổng điều tra kinh tế) và 41 cuộc điều tra ở các lĩnh vực khác nhau, cụ thể:

+ Nhóm 01. Điều tra dân số, lao động và việc làm, gồm 3 cuộc điều tra: (1) Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ; (2) Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình; (3) Điều tra lao động và việc làm.

+ Nhóm 02. Điều tra đất đai, nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, gồm 8 cuộc điều tra: (1) Điều tra kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; (2) Điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ; (3) Điều tra diện tích gieo trồng cây nông nghiệp; (4) Điều tra năng suất, sản lượng cây nông nghiệp; (5) Điều tra chăn nuôi; (6) Điều tra lâm nghiệp; (7) Điều tra, kiểm kê rừng; (8) Điều tra thủy sản.

+ Nhóm 03. Điều tra công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ và vốn đầu tư, gồm 7 cuộc điều tra: (1) Điều tra ngành công nghiệp; (2) Điều tra năng lực sản xuất của một số sản phẩm công nghiệp; (3) Điều tra hoạt động xây dựng; (4) Điều tra hoạt động thương mại và dịch vụ; (5) Điều tra thông tin khách du lịch nội địa; (6) Điều tra chi tiêu của khách du lịch nội địa và khách quốc tế đến Việt Nam; (7) Điều tra vốn đầu tư thực hiện.

+ Nhóm 04. Điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp và tài khoản quốc gia, gồm 5 cuộc điều tra: (1) Điều tra doanh nghiệp; (2) Điều tra cơ sở sản xuất, kinh doanh cá thể; (3) Điều tra cơ sở hành chính, sự nghiệp; (4) Điều tra thu thập thông tin lập bảng cân đối liên ngành và tính hệ số chi phí trung gian; (5) Điều tra thu thập thông tin tính các chỉ tiêu giá trị sản xuất và giá trị tăng thêm của các cơ đơn vị sự nghiệp và tổ chức vô vị lợi.

+ Nhóm 05. Điều tra giá, gồm 9 cuộc điều tra: Điều tra giá tiêu dùng (CPI); (2) Điều tra giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất; (3) Điều tra giá sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; (4) Điều tra giá sản xuất công nghiệp; (5) Điều tra giá sản xuất dịch vụ; (6) Điều tra giá sản xuất xây dựng; (7) Điều tra giá bất động sản; (8) Điều tra giá tiền lương; (9) Điều tra giá xuất khẩu, nhập khẩu.

+ Nhóm 06. Điều tra khoa học công nghệ, thông tin và truyền thông, gồm 3 cuộc điều tra: (1) Điều tra tiềm lực khoa học và công nghệ của các tổ chức khoa học và công nghệ; (2) Điều tra nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; (3) Điều tra thống kê thương mại điện tử.

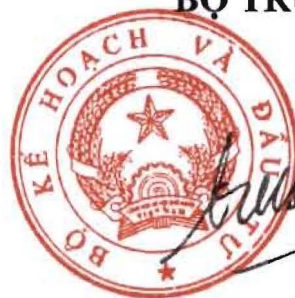
+ Nhóm 07. Điều tra y tế, xã hội và môi trường, gồm 6 cuộc điều tra: (1) Điều tra cơ sở và nhân lực y tế ngoài công lập; (2) Điều tra dinh dưỡng; (3) Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam; (4) Khảo sát sức khỏe dân cư và kinh nghiệm cuộc sống; (5) Điều tra người khuyết tật; (6) Điều tra các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường.

Trên đây là Báo cáo tổng kết 05 năm thực hiện Quyết định số 43, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Phó Thủ tướng Lê Minh Khái (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế;
- Văn phòng Bộ (Phòng KSTH);
- Lưu: VT, TCTK

**BỘ TRƯỞNG**



**Nguyễn Chí Dũng**